|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS MẠO KHÊ II** | **ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ II** |
| **TỔ: KHOA HỌC XÃ HỘI** | **MÔN: NGỮ VĂN 8**  **NĂM HỌC 2024-2025** |

**PHẦN I: NỘI DUNG ÔN TẬP**

1. **PHẦN ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN**

Nắm được đặc điểm thể loaị, nội dung, nhân vật, sự kiện, chủ đề, ý nghĩa, bài học, các chi tiết đặc sắc và nghệ thuật nổi bật của các văn bản trong bài 8,9

**Cụ thể**

**1, Đặc điểm thể loại**

|  |  |
| --- | --- |
| **Thể loại** | **Đặc điểm** |
| **Văn bản nghị luận** | - Văn nghị luận là thể loại văn được viết ra nhằm xác lập cho người đọc, người nghe một tư tưởng nào đó đối với các sự việc, hiện tượng trong đời sống hay trong văn học bằng các luận điểm, luận cứ và lý luận.  – Cấu trúc của văn nghị luận:  + Mở bài: Giới thiệu vấn đề, tầm quan trọng của vấn đề, nêu lên luận điểm cơ bản cần giải quyết trong bài.  + Thân bài: Tiến hành triển khai các luận điểm chính. Sử dụng lý lẽ, dẫn chứng lập luận để thuyết phục người nghe theo quan điểm đã trình bày.  + Kết bài: Khẳng định tầm quan trọng, ý nghĩa của vấn đề đã nêu. |
| **Thể thơ tự do** | – Thơ tự do là hình thức cơ bản của thơ, phân biệt với thơ cách luật ở chỗ không bị ràng buộc vào các quy tắc nhất định về số câu, số chữ, niêm đối,…  – Nhưng thơ tự do lại khác thơ văn xuôi ở chỗ văn bản có phân dòng và xếp song song thành hàng, thành khổ như những đơn vị nhịp điệu, có thể có vần.  – Thơ tự do là thơ phân dòng nhưng không có thể thức nhất định và không quy định số lượng từ trong một câu, cũng như không cần có vần liên tục. |
| **Văn thuyết minh** | – Văn bản thuyết minh đã được các chủ thể lựa chọn và sử dụng rộng rãi trong cuộc sống hàng ngày. Văn bản cung cấp cho bạn đọc những kiến thức khách quan về những vấn đề, sự việc, hiện tượng trong đời sống xã hội  – Phạm vi sử dụng rộng rãi trong đời sống hàng ngày;  – Dẫn chứng trong văn bản thuyết minh cần chính xác, chặt chẽ và sinh động để truyền tải được hết ý của người viết đến với người đọc. |

**2. Cốt truyện đơn tuyến và văn bản có cốt truyện đa tuyến**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Đặc điểm*** | **Cốt truyện đơn tuyến** | **Cốt truyện đa tuyến** |
| **Giống nhau** | - Đều có một nhân vật chính kể về một câu chuyện liên quan đến nhiều nhân vật khác. | |
| **Khác nhau** | - Chỉ có một mạch sự kiện.  - Hệ thống sự kiện đơn giản, tập trung thể hiện quá trình phát triển tính cách của một hoặc một vài nhân vật chính. | - Tồn tại đồng thời ít nhất hai mạch sự kiện.  - Hệ thống sự kiện thường phức tạp, chồng chéo, tái hiện nhiều bình diện của đời sống gắn với số phận các nhận vật chính. |
| **Văn bản** | - ***Xe đêm, Lặng lẽ Sapa, Những ngôi sao xa xôi.*** | ***- Chiếc lá cuối cùng; Mắt sói.*** |

**3: Thơ tự do và đặc điểm và cách nhận diện thơ tự do**

|  |  |
| --- | --- |
| **Thể thơ** | **Đặc điểm - Cách nhận biết** |
| **Thơ tự do** | Là thể thơ hiện đại, thể hiện được sự cái tôi và sự phá cách, sáng tạo của người thi sĩ. Trong một bài thơ tự do, số chữ trong câu, số câu trong một khổ và số lượng khổ thơ của toàn bài đều không bị giới hạn. Các quy luật về hiệp vần, bằng trắc cũng vô cùng linh hoạt, tùy theo cảm xúc và chủ ý của người viết. |
| **Thơ lục bát** | - Là một trong những thể thơ lâu đời nhất của dân tộc. Thơ được đặc trưng bởi các cặp thơ gồm một câu thơ 6 chữ và một câu thơ 8 chữ, được sắp xếp nối tiếp và xen kẽ với nhau. Thông thường câu lục sẽ mở đầu bài thơ và câu bát dùng để kết bài. Một bài thơ lục bát không giới hạn số lượng câu. Thể lục bát xuất hiện nhiều nhất là ở các bài đồng dao, ca dao hay trong lời mẹ ru.  - Luật bằng trắc trong thể lục bát được thể hiện như sau:  + Câu 1, 3 và 5: Tự do về thanh  + Câu 2, 4 và 6: Câu lục tuân theo luật B – T – B, câu bát tuân theo luật B – T – B – B  - Cách gieo vần của thể thơ lục bát vô cùng linh hoạt. Có thể gieo vần bằng ở tiếng cuối câu lục, và tiếng cuối này lại hiệp vần với tiếng thứ sáu của câu bát nối tiếp. Sau đó tiếng cuối của câu bát này lại hiệp với tiếng cuối của câu lục tiếp theo… Cứ như vậy cho tới khi hết bài thơ. |
| **Thơ bốn chữ** | - Là thể thơ mà mỗi câu thơ gồm 4 chữ, trong bài không giới hạn số lượng câu.  - Luật bằng – trắc trong thể thơ này là: chữ thứ 2 và chữ thứ 4 có sự luân phiên T – B hoặc B – T  - Cách gieo vần: Thể thơ bốn chữ có cách gieo vần khá linh hoạt, có thể hiệp vần chéo, vần bằng, vần liền, vần chân, vần lưng… |
| **Thơ năm chữ** | - Là thể thơ mà mỗi câu thơ gồm 5 chữ, trong bài số câu không bị giới hạn. Quy luật bằng trắc và cách gieo vần giống với thể thơ 4 chữ ở phía trên. |
| **Thơ thất ngôn**  **bát cú** | - Thể thất ngôn bát cú đường luật (gồm 8 câu, mỗi câu có 7 chữ): Cấu trúc là 2 câu đầu (mở đề và vào đề), câu 3 và 4 (câu thực), câu 5 và 6 (câu luận), câu 7 và 8 (câu kết). |
| **Thơ thất ngôn tứ tuyệt đường luật** | - Thơ đường luật là một thể thơ cổ bắt nguồn từ Trung Quốc. Khi được du nhập vào Việt Nam, ông cha ta đã có sự kế thừa những tinh hoa của thể thơ này và kết hợp với những yếu tố thuần Việt.  - Tính quy luật của thể thơ này vô cùng nghiêm ngặt và không thể bị phá vỡ. Số chữ trong một câu và số câu trong cả bài thơ sẽ quyết định quy luật của bài thơ  - Thể thất ngôn tứ tuyệt (gồm 4 câu, mỗi câu có 7 chữ). |

**II. PHẦN THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học** | **Kiến thức được củng cố** | **Kiến thức mới** |
| **1** | **Trợ từ** | Cách nhận biết trợ từ | - Tác dụng của trợ từ. |
| **2** | **Thán từ + biện pháp tu từ** | - Cách nhận biết thán từ  - Cách nhận biết các biện pháp tu từ và tác dụng. | - Hai loại thán từ chính |
| **3** | **Biện pháp tu từ + nghĩa của từ** | - Cách nhận biết các biện pháp tu từ và tác dụng  - Từ đồng nghĩa, từ láy. |  |
| **4** | **Biện pháp tu từ + Nghĩa của từ + Lựa chọn cấu trúc câu** | - Cách nhận biết các biện pháp tu từ và tác dụng  - Từ đồng nghĩa, từ láy  - Sự khác nhau về ý nghĩa khi thay đổi cấu trúc câu. |  |
| **5** | **Thành phần biệt lập** | - Cách nhận biết thành phần biệt lập | - Các thành phần biệt lập và tác dụng, cách nhận biết. |
| **6** | **Các kiểu câu phân loại theo mục đích nói.** | - Các kiểu câu tiếng Việt | - Cách nhận biết các kiểu câu: câu hỏi, câu khiến, câu cảm, câu kể |
| **7** | **Câu phủ định và câu khẳng định** | - Các kiểu câu tiếng Việt. | - Cách nhận biết câu phủ định và câu khẳng định. |

**III. PHẦN VIẾT (Trọng tâm vào 2 dạng bài sau)**

**1.Viết bài văn phân tích một tác phẩm (truyện)**

**2. Viết văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên**

**(Hiện tượng: mưa sao băng, lũ lụt, động đất, trái đất nóng lên…)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Kiểu bài viết** | **Yêu cầu** |
| **Viết bài văn phân tích một tác phẩm (truyện)** | - Giới thiệu tác phẩm truyện (nhan đề, tác giả) và nêu ý kiến khái quát về tác phẩm.  - Nêu ngắn gọn nội dung chính của tác phẩm.  - Nêu được chủ đề của tác phẩm.  - Chỉ ra và phân tích được tác dụng của một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm  (như cốt truyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật, ngôi kể, ngôn ngữ,…)  - Sử dụng các bằng chứng từ tác phẩm để làm sáng tỏ ý kiến nêu trong bài viết.  - Nêu được ý nghĩa, giá trị của tác phẩm truyện. |
| **Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do** | - Giới thiệu được bài thơ, tác giả; nêu cảm nghĩ chung về bài thơ  - Nêu được cảm nghĩ về nội dung và nghệ thuật; nêu được tác dụng của thể thơ tự do trong việc  thể hiện mạch cảm xúc, tạo nên nét độc đáo của bài thơ  - Khái quát được cảm nghĩ về bài thơ |
| **Viết văn bản thuyết minh giải thích 1 hiện tượng tự nhiên** | - Nêu được hiện tượng tự nhiên cần giải thích  - Nêu được các biểu hiện cơ bản của hiện tượng tự nhiên cần giải thích  - Trình bày được căn cứ xác đáng để giải thích hiện tượng tự nhiên đã chọn  - Nói rõ ảnh hưởng, tác động của hiện tượng tự nhiên đó đối với cuộc sống con người. |
| **Viết văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống** | - Nêu thông tin cô đọng, xác thực về người viết văn bản kiến nghị (cá nhân hay tập thể)  - Nêu khái quát về bối cảnh viết kiến nghị (thời điểm viết, nhu cầu viết,…)  - Trình bày rõ ràng về vấn đề được kiến nghị (sự việc, hiện tượng cần quan tâm, khắc phục; tác  động tiêu cực của sự việc, hiện tượng; ý nghĩa của việc xử lí, giải quyết sự việc, hiện tượng;…)  - Gợi ý, đề xuất các giải pháp cần thực hiện để khắc phục tác động không tích cực của sự việc,  hiện tượng  - Bày tỏ mong muốn vấn đề kiến nghị được cấp có thẩm quyền quan tâm, xử lí |
| **Viết bài thuyết minh giới thiệu cuốn sách yêu thích** | - Giới thiệu được thông tin cơ bản để nhận diện cuốn [sách](https://hoatieu.vn/soan-on-tap-hoc-ki-2-van-8-ket-noi-tri-thuc-225072)  - Trình bày được cách nhìn của tác giả về đời sống  - Nêu được những giá trị, đóng góp nổi bật hoặc những điểm mới, thú vị của cuốn sách  - Nhấn mạnh được những đặc điểm gợi hứng thú đối với việc đọc, tìm hiểu cuốn sách |

**IV. PHẦN NÓI VÀ NGHE : Những đề tài nói và nghe đã thực hiện trong học kì II**

Các đề tài nói và nghe đã thực hiện:

- Giới thiệu về một cuốn sách (truyện)

- Thảo luận ý kiến về một vấn đề đời sống phù hợp với lứa tuổi (được gợi ra từ tác phẩm văn học đã học)

- Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (văn học trong đời sống hiện nay)

- Thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (tổ chức hợp lý nề nếp sinh hoạt của bản thân)

- Giới thiệu về cuốn sách yêu thích hoặc trình bày tác phẩm của bản thân

**PHẦN II: ĐỀ MINH HỌA**

**I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)**

**Đọc ngữ liệu sau và thực hiện yêu cầu:**

**CÂU CHUYỆN VỀ BỐN NGỌN NẾN**

*Trong phòng tối, có bốn ngọn nến đang cháy. Xung quanh thật yên tĩnh, đến mức người ta có thể nghe thấy tiếng thì thầm của chúng.*

*Ngọn nến thứ nhất nói: Tôi là hiện thân của hòa bình. Cuộc đời sẽ như thế nào nếu không có tôi? Tôi thực sự quan trọng cho mọi người.*

*Ngọn nến thứ hai lên tiếng : Còn tôi là hiện thân của lòng trung thành. Hơn tất cả, mọi người đều phải cần đến tôi.*

*Đến lượt mình, ngọn nến thứ ba nói : Tôi là hiện thân của tình yêu. Tôi mới thực sự quan trọng. Hãy thử xem cuộc sống sẽ như thế nào nếu thiếu đi tình yêu?*

*Đột nhiên, cánh cửa chợt mở tung, một cậu bé chạy vào phòng. Một cơn gió ùa theo làm tắt cả ba ngọn nến. "Tại sao cả ba ngọn nến lại tắt ?" - cậu bé sửng sốt nói. Rồi cậu bé òa lên khóc.*

*Lúc này, ngọn nến thứ tư mới lên tiếng: Đừng lo lắng, cậu bé. Khi tôi vẫn còn cháy thì vẫn có thể thắp sáng lại cả ba ngọn nến kia. Bởi vì, tôi chính là niềm hy vọng.*

*Lau những giọt nước mắt còn đọng lại, cậu bé lần lượt thắp sáng lại những ngọn nến vừa tắt bằng ngọn lửa của niềm hy vọng****.***

(*Trích “Những bài học về cuộc sống”,* NXB Thanh Niên, 2005)

**Câu 1 *(****0,5 điểm)*: Xác định ngôi kể trong văn bản trên?

**Câu 2** *(0,5 điểm)*: Trong ngữ liệu trên bốn ngọn nến hiện thân cho điều gì?

**Câu 3***(0,5 điểm)***:** Em hiểu như thế nào về lời thì thầm của ngọn nến thứ nhất: *Tôi là hiện thân của hòa bình. Cuộc đời sẽ như thế nào nếu không có tôi? Tôi thực sự quan trọng cho mọi người*

**Câu 4** *(0,5 điểm):*Chỉ ra kiểu câu phân loại theo mục đích nói *“Lau những giọt nước mắt còn đọng lại, cậu bé lần lượt thắp sáng lại những ngọn nến vừa tắt bằng ngọn lửa của niềm hy vọng”****.***

**Câu 5** *(1,0 điểm)***:** Em hãy phân tích tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong hai câu văn: “*Ngọn nến thứ nhất nói: Tôi là hiện thân của hòa bình.”*

**Câu 6** *(1,0 điểm):*Những thông điệp em nhận được từ văn bản?

**VIẾT (6,0 điểm)**

**Viết bài văn thuyết minh về hiện tượng bão lũ thất thường**

Gợi ý:

**I. Mở bài**

* Giới thiệu về hiện tượng thiên tai nói chung và bão lũ nói riêng.
* Dẫn vào vấn đề: Hiện nay, bão lũ xảy ra ngày càng thất thường, gây nhiều hậu quả nghiêm trọng.

**II. Thân bài**

**1. Khái niệm về bão lũ thất thường**

* Bão lũ: Là hiện tượng thiên nhiên xảy ra khi áp thấp nhiệt đới mạnh lên thành bão, kèm theo mưa lớn, gió mạnh và nước dâng gây ngập lụt.
* Thất thường: Không theo quy luật, xảy ra bất ngờ, không đúng mùa, cường độ và tần suất tăng cao so với trước đây.

**2. Nguyên nhân của hiện tượng bão lũ thất thường**

* Biến đổi khí hậu: Do hiệu ứng nhà kính, nhiệt độ Trái Đất tăng khiến thời tiết thay đổi bất thường.
* Tác động của con người:
  + Phá rừng, khai thác tài nguyên bừa bãi làm mất cân bằng sinh thái.
  + Đô thị hóa không quy hoạch hợp lý, làm tắc nghẽn dòng chảy tự nhiên.
  + Ô nhiễm môi trường, khí thải công nghiệp góp phần làm biến đổi khí hậu.

**3. Hậu quả của hiện tượng bão lũ thất thường**

* Về con người: Gây thiệt hại về tính mạng, tài sản, ảnh hưởng đến cuộc sống sinh hoạt.
* Về kinh tế - xã hội: Giao thông bị đình trệ, mùa màng thất thu, thiệt hại về cơ sở hạ tầng.
* Về môi trường: Gây xói mòn đất, sạt lở, suy giảm đa dạng sinh học.

**4. Biện pháp phòng chống và thích ứng**

* Nâng cao nhận thức cộng đồng: Giáo dục về bảo vệ môi trường, ứng phó với thiên tai.
* Tăng cường trồng rừng, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.
* Xây dựng hệ thống cảnh báo sớm, quy hoạch vùng lũ hợp lý.
* Tham gia các cam kết quốc tế về giảm phát thải, chống biến đổi khí hậu.

**III. Kết bài**

* Khẳng định lại mức độ nguy hiểm và tính cấp thiết của vấn đề bão lũ thất thường.
* Kêu gọi mọi người chung tay bảo vệ môi trường, hành động thiết thực để giảm thiểu tác động tiêu cực của hiện tượng này.